

Table of Contents

I. Tổng quan.....	3
1. Sơ đồ thực thể liên kết.....	3
2. Sơ đồ luồng hoạt động.....	5
3. Các từ viết tắt trong tài liệu.....	5
4. Các api public.....	5
II. Hướng dẫn xác thực khi call api.....	8
1. Lấy mã kết nối và khóa bảo mật trên AMIS Tiền lương.....	8
2. Tham số cần truyền vào header của request.....	8
III. Mô tả chi tiết api.....	9
1. API lấy dữ liệu bảng lương theo khóa chính.....	9
2. API lấy dữ liệu phân trang bảng lương.....	9
3. API lấy bảng lương chi tiết theo khóa chính.....	9
4. API lấy dữ liệu bảng lương chi tiết theo khóa ngoài.....	10
5. API lấy dữ liệu phân trang bảng lương chi tiết.....	10
6. API Lấy dữ liệu phân trang bảng lương chi tiết theo khóa ngoài.....	11
7. API lấy bảng chi trả theo khóa chính.....	11
8. API lấy dữ liệu phân trang bảng chi trả.....	12
9. API lấy dữ liệu bảng chi trả chi tiết theo khóa chính.....	12
10. API lấy dữ liệu bảng chi trả chi tiết theo khóa ngoài.....	13
11. API lấy dữ liệu phân trang bảng chi trả chi tiết.....	13
12. API lấy dữ liệu phân trang bảng chi trả chi tiết theo khóa ngoài.....	13
13. API lấy dữ liệu bảng phân bổ theo khóa chính.....	14
14. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ.....	14
15. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị theo khóa chính.....	15
16. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài.....	15
17. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị.....	15
18. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài.....	16
19. API lấy dữ liệu bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị theo khóa chính.....	16
20. API lấy dữ liệu bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài.....	17
21. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị.....	17
22. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài.....	17
23. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH theo khóa chính.....	18
24. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH theo khóa ngoài.....	18
25. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH.....	19
26. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH theo khóa ngoài....	19
27. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH theo khóa chính.....	19
28. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH theo khóa ngoài.....	20
29. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH.....	20
30. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH theo khóa ngoài.....	21
31. API tạo bảng dữ liệu tính lương KPI.....	21
32. API tạo bảng dữ liệu tính lương Doanh số.....	22
33. API thêm công đoạn.....	22
34. API sửa công đoạn.....	23
35. API xóa công đoạn.....	23

36. API lấy danh sách công đoạn (phân trang).....	24
37. API thêm sản phẩm.....	24
38. API sửa sản phẩm.....	25
39. API xóa sản phẩm.....	26
40. API lấy danh sách sản phẩm(phân trang).....	26
41. API lấy danh mục thành phần công đoạn (StageComposition).....	27
IV. Đặc tả model (<T>).....	27
1. Model Salary (Bảng lương).....	27
2. Model SalaryDetail (Bảng lương chi tiết).....	28
3. Model SalaryPayment (Bảng chi trả).....	29
4. Model SalaryPaymentDetail (Bảng chi trả chi tiết).....	30
5. Model SalaryDistribution (Bảng phân bổ).....	31
6. Model DistributionOrganization (Bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị).....	32
7. Model DistributionEmployee (Bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị).....	33
8. Model CostDistributionSumamry (Bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH).....	33
9. Model CostDistributionDetail (Bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH).....	34
10. Model SummarySetting.....	34
11. Model CompositionJson.....	36
12. Model SalaryData.....	37
13. Model PagingResponse.....	37
14. Model SalaryDataReq.....	37
15. Model ProductStage.....	38
.....	38
16. Model StageComposition.....	38
17. Model Product.....	38
18. Model ProductStageAssign.....	39
19. Model StageComposition.....	39
V. Mô tả enum.....	39
1. EnumCompositionType.....	39
2. EnumCompositionNature.....	39
3. EnumValueType.....	40
4. EnumDataType.....	40
5. EnumSalaryDataType.....	40
6. EnumSalaryDataPeriod.....	41
VI. Demo call api (bảng lương và bảng lương chi tiết).....	42
1. API lấy bản ghi theo id khóa chính.....	42
2. API lấy danh sách bản ghi theo khóa ngoài.....	42
3. API lấy dữ liệu phân trang.....	42
4. API lấy dữ liệu phân trang theo khóa ngoài.....	43
5. API tạo dữ liệu tính lương (KPI, Doanh số).....	44
6. API thêm công đoạn.....	45
7. API sửa công đoạn.....	45
8. API xóa công đoạn.....	46
9. API lấy danh sách công đoạn.....	46
10. API thêm sản phẩm.....	46
11. API sửa sản phẩm.....	47
12. API xóa sản phẩm.....	47
].....	47
13. API lấy danh sách sản phẩm.....	47

14. API lấy danh mục thành phần công đoạn.....	48
I. Phụ lục.....	48
1. Bảng mã check lỗi theo HTTPCode.....	48
2. Dữ liệu mẫu sinh x-token.....	48
3. Một số ghi chú khác.....	48

Tài liệu hướng dẫn tích hợp API AMIS Tiền lương

Phiên bản 1.0.0.1

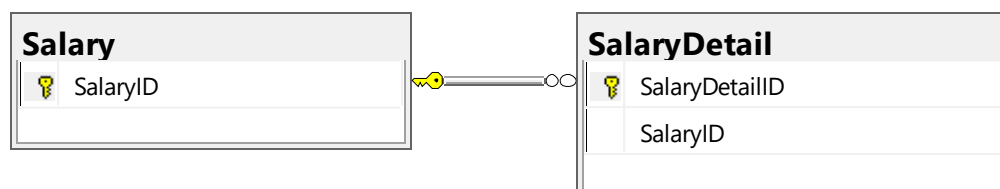
I. Tổng quan

Bản cập nhật ngày 07/07/2026:

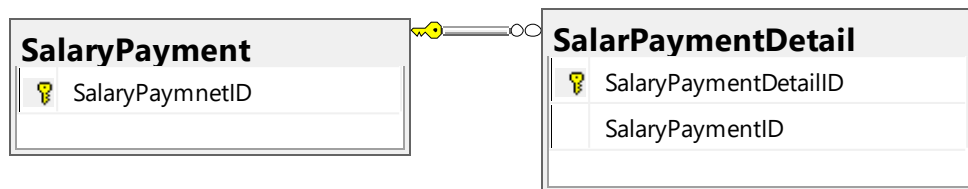
Bổ sung các open api cho sản phẩm, công đoạn (Các API từ mục 33-41)

1. Sơ đồ thực thể liên kết

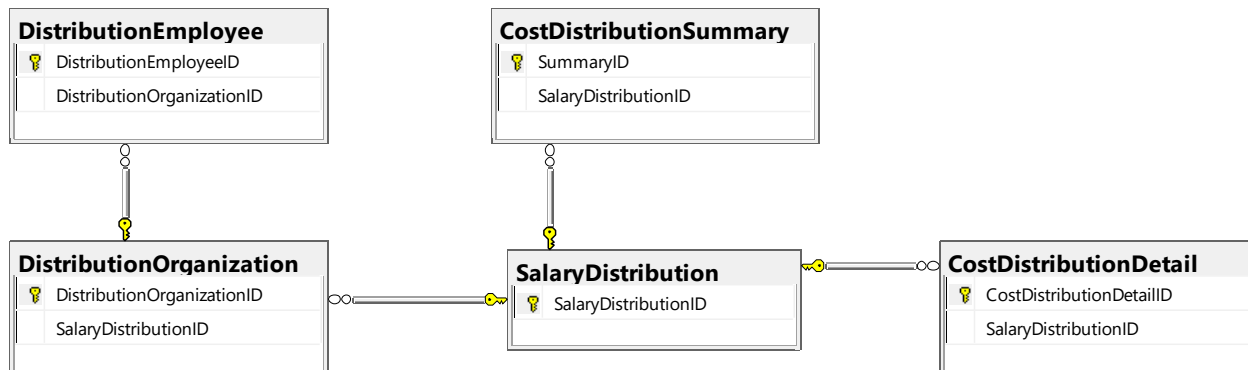
Bảng lương:



Bảng chi trả:

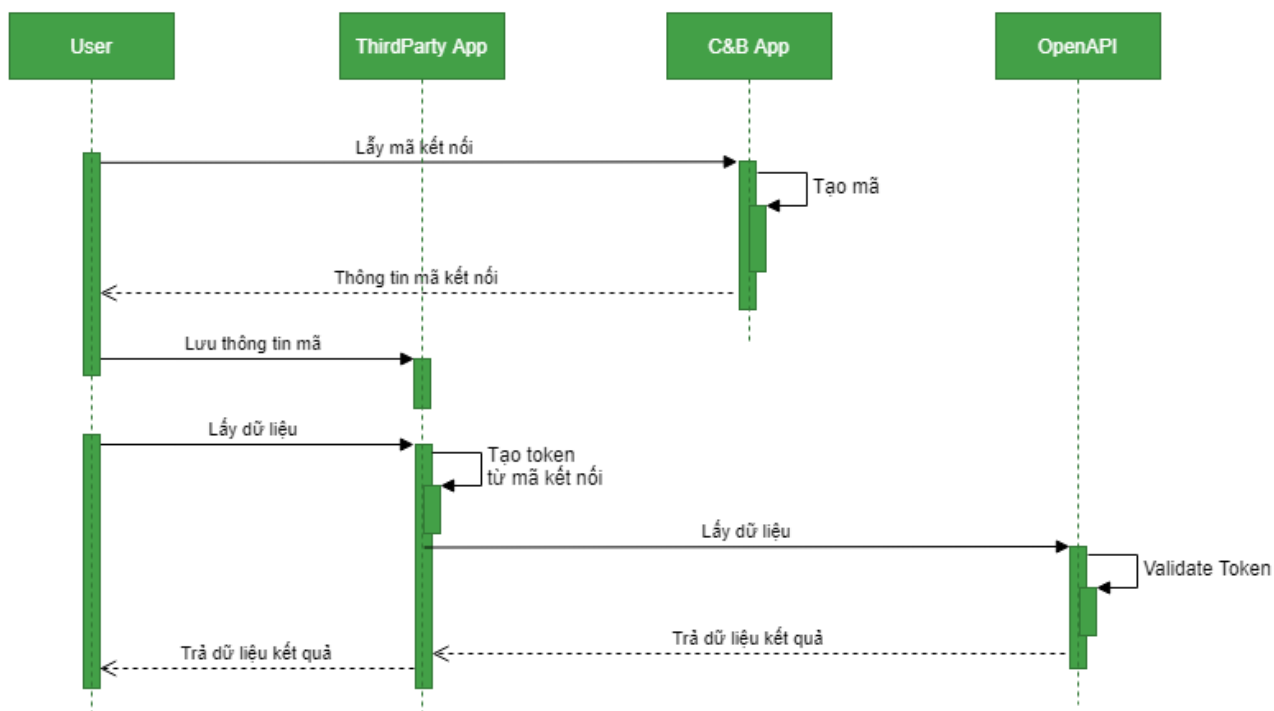


Bảng phân bổ lương:



2. Sơ đồ luồng hoạt động

OpenAPI C&B



3. Các từ viết tắt trong tài liệu

Key	Tên đầy đủ
CCTC	Cơ cấu tổ chức
VTCV	Vị trí công việc
TPL	Thành phần lương
DTTHCH	Đối tượng tập hợp chi phí
LSL	Lịch sử lương

4. Các api public

- **Domain:** <https://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/>

Mô tả chung:

URL	Mô tả
/get-by-primary-id	Lấy dữ liệu theo khóa chính
/get-by-foreign-id	Lấy dữ liệu theo khóa ngoài
/get-paging	Lấy dữ liệu phân trang
/get-paging-by-foreign-id	Lấy dữ liệu phân trang theo khóa ngoài

API từng loại bảng dữ liệu:

Loại bảng	Tên model	Method	URL
Bảng lương	Salary	GET	[Domain]/salary/get-by-primary-id
		POST	[Domain]/salary/get-paging
Bảng lương chi tiết	SalaryDetail	GET	[Domain]/salarydetail/get-by-primary-id
		GET	[Domain]/salarydetail/get-by-foreign-id
		POST	[Domain]/salarydetail/get-paging
		POST	[Domain]/salarydetail/get-paging-by-foreign-id
Bảng chi trả	SalaryPayment	GET	[Domain]/salarypayment/get-by-primary-id
		POST	[Domain]/salarypayment/get-paging
Bảng chi trả chi tiết	SalaryPaymentDetail	GET	[Domain]/salarypaymentdetail/get-by-primary-id
		GET	[Domain]/salarypaymentdetail/get-by-foreign-id

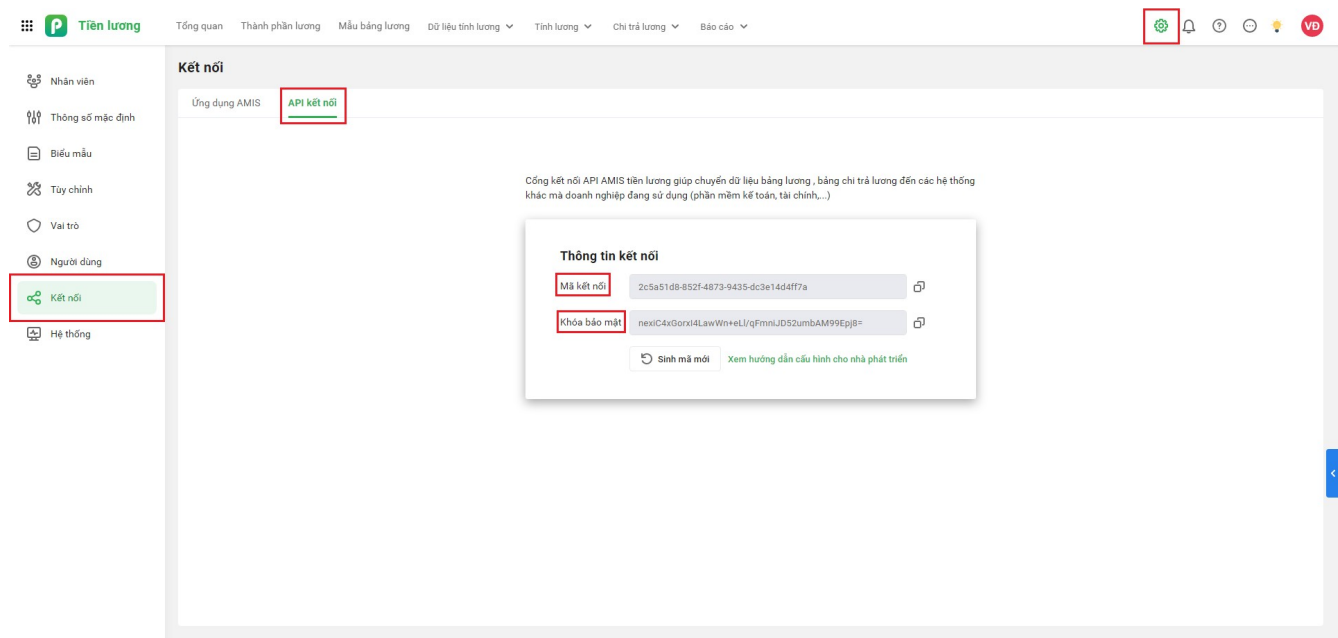
		POST	[Domain]/salarypaymentdetail/get-paging
		POST	[Domain]/salarypaymentdetail/get-paging-by-foreign-id
Bảng phân bổ	SalaryDistribution	GET	[Domain]/salarydistribution/get-by-primary-id
		POST	[Domain]/salarydistribution/get-paging
Bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị	DistributionOrganization	GET	[Domain]/distributionorganization/get-by-primary-id
		GET	[Domain]/distributionorganization/get-by-foreign-id
		POST	[Domain]/distributionorganization/get-paging
		POST	[Domain]/distributionorganization/get-paging-by-foreign-id
Bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị	DistributionEmployee	GET	[Domain]/distributionemployee/get-by-primary-id
		GET	[Domain]/distributionemployee/get-by-foreign-id
		POST	[Domain]/distributionemployee/get-paging
		POST	[Domain]/distributionemployee/get-paging-by-foreign-id
Bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH	CostDistributionSummary	GET	[Domain]/costdistributionsummary/get-by-primary-id
		GET	[Domain]/costdistributionsummary/get-by-foreign-id
		POST	[Domain]/costdistributionsummary/get-paging
		POST	[Domain]/costdistributionsummary/get-paging-by-foreign-id
Bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH	CostDistributionDetail	GET	[Domain]/costdistributiondetail/get-by-primary-id
		GET	[Domain]/costdistributiondetail/get-by-foreign-id
		POST	[Domain]/costdistributiondetail/get-paging

		POST	[Domain]/costdistributiondetail/get-paging-by-foreign-id
Bảng dữ liệu tính lương		POST	[Domain]/kpisummary/create
		POST	[Domain]/salesummary/create

II. Hướng dẫn xác thực khi call api

1. Lấy mã kết nối và khóa bảo mật trên AMIS Tiền lương

Thiết lập => Kết nối => API kết nối



Ghi chú: Nếu click vào tab API kết nối mà show thông báo “Bạn không có quyền thực hiện chức năng này” hoặc màn hình không hiển thị thì liên hệ quản trị ứng dụng để được cấp quyền.

2. Tham số cần truyền vào header của request

Tên key	Kiểu dữ liệu	Mô tả
---------	--------------	-------

x-clientid	string	Mã kết nối lấy từ tab API kết nối
x-transactionid	GUID	Mã giao dịch , tự sinh mới mỗi request
x-token	string	Chuỗi token sinh theo thuật toán HMACSHA256 từ khóa bảo mật và Mã giao dịch

Ví dụ code sinh x-token (C#):

```

/// <summary>
/// Hash HMACSHA256
/// </summary>
/// <param name="secretKey">Khóa bảo mật</param>
/// <param name="input">x-transactionid</param>
/// <returns></returns>
2 references | 0 changes | 0 authors, 0 changes
public static string CreateHMACSHA256Hash(string secretKey, string input)
{
    using (var mySHA256 = new HMACSHA256(Encoding.UTF8.GetBytes(secretKey)))
    {
        byte[] hashValue = mySHA256.ComputeHash(Encoding.UTF8.GetBytes(input));
        return Convert.ToBase64String(hashValue);
    }
}

```

III. Mô tả chi tiết api

1. API lấy dữ liệu bảng lương theo khóa chính

Method	URL
GET	/salary/get-by-primary-id?id={id}

Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	Salary	Dữ liệu Bảng lương

2. API lấy dữ liệu phân trang bảng lương

Method	URL
Get	/salary/get-paging

Request (Truyền qua body dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	Int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<Salary> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

3. API lấy bảng lương chi tiết theo khóa chính

Method	URL
Post	/salarydetail/get-by-primary-id?id={id}

Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	SalaryDetail	Dữ liệu bảng lương chi tiết

4. API lấy dữ liệu bảng lương chi tiết theo khóa ngoài

Method	URL
GET	/salarydetail/get-by-foreign-id?id={id}

Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa ngoài

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	List<SalaryDetail>	Danh sách dữ liệu bảng lương chi tiết

5. API lấy dữ liệu phân trang bảng lương chi tiết

Method	URL
Post	/salarydetail/get-paging

Request (Truyền qua body dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	Int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<SalaryDetail> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

6. API Lấy dữ liệu phân trang bảng lương chi tiết theo khóa ngoài

Method	URL
POST	/salarydetail/get-paging-by-foreign-id

Request (Truyền qua body dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	Int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
ForeignID	Int	Giá trị khóa ngoài

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<SalaryDetail> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

7. API lấy bảng chi trả theo khóa chính

Method	URL
GET	/salarypayment/get-by-primary-id?id={id}

Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	string	Giá trị khóa chính

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	SalaryPayment	Dữ liệu bảng chi trả

8. API lấy dữ liệu phân trang bảng chi trả

Method	URL
POST	/salarypayment/get-paging

Request (Truyền qua body dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	int	Số bản ghi cần lấy

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang

		Các trường gồm có: PageData: List<PagingResponse> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy
--	--	---

9. API lấy dữ liệu bảng chi trả chi tiết theo khóa chính

Method	URL	
GET	/salarypaymentdetail/get-by-primary-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	SalaryPaymentDetail	Dữ liệu bảng chi trả chi tiết

10. API lấy dữ liệu bảng chi trả chi tiết theo khóa ngoài

Method	URL	
GET	/salarypaymentdetail/get-by-foreign-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	List<SalaryPaymentDetail>	Danh sách dữ liệu bảng chi trả chi tiết

11. API lấy dữ liệu phân trang bảng chi trả chi tiết

Method	URL	
POST	/salarypaymentdetail/get-paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<SalaryPaymentDetail> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

12. API lấy dữ liệu phân trang bảng chi trả chi tiết theo khóa ngoài

Method	URL	
POST	/salarypaymentdetail/get-paging-by-foreign-id	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
ForeignID	Int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<SalaryPaymentDetail> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

13. API lấy dữ liệu bảng phân bổ theo khóa chính

Method	URL	
GET	/salarydistribution/get-by-primary-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	SalaryDistributio	Dữ liệu bảng phân bổ

	n	
--	----------	--

14. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ

Method	URL	
POST	/salarydistribution/get-paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<SalaryDistribution> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

15. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị theo khóa chính

Method	URL	
GET	/distributionorganization/get-by-primary-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	DistributionOrganizationUnit	Dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị

16. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài

Method	URL	
GET	/distributionorganization/get-by-foreign-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả

id	int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	List<DistributionOrganizationUnit>	Danh sách dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị

17. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị

Method	URL	
POST	/distributionorganization/get-paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<DistributionOrganizationUnit> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

18. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài

Method	URL	
POST	/distributionorganization/get-paging-by-foreign-id	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
ForeignID	Int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại

Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List< DistributionOrganizationUnit > Total: Tổng số bản ghi có thể lấy
------	-----------------------	--

19. API lấy dữ liệu bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị theo khóa chính

Method	URL	
GET	/distributionemployee/get-by-primary-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	DistributionEmployee	Dữ liệu bảng chi trả chi tiết

20. API lấy dữ liệu bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài

Method	URL	
GET	/distributionemployee/get-by-foreign-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	List<DistributionEmployee>	Danh sách dữ liệu bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn

21. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị

Method	URL
POST	/distributionemployee/get-paging
Request (Truyền qua body của request dạng json)	

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<DistributionEmployee> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

22. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị theo khóa ngoài

Method	URL	
POST	/distributionemployee/get-paging-by-foreign-id	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
ForeignID	Int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<DistributionEmployee> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

23. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH theo khóa chính

Method	URL	
GET	/costdistributionsummary/get-by-primary-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả

Success	bool	Thành công/thất bại
Data	CostDistributionSummary	Dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH

24. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH theo khóa ngoài

Method	URL	
GET	/costdistributionsummary/get-by-foreign-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	List<CostDistributionSummary>	Danh sách dữ liệu bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH

25. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH

Method	URL	
POST	/costdistributionsummary/get-paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<CostDistributionSummary> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

26. API lấy dữ liệu phân trang bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH theo khóa ngoài

Method	URL
POST	/costdistributionsummary/get-paging-by-foreign-id
Request (Truyền qua body của request dạng json)	

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
ForeignID	Int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<CostDistributionSummary> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

27. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH theo khóa chính

Method	URL	
GET	/costdistributiondetail/get-by-primary-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa chính
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	CostDistributionDetail	Dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH

28. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH theo khóa ngoài

Method	URL	
GET	/costdistributiondetail/get-by-foreign-id?id={id}	
Request (Truyền lên URL)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	List<CostDistrib	Danh sách dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên

	utionDetail>	theo DTTHCH
--	--------------	-------------

29. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH

Method	URL	
POST	/costdistributiondetail/get-paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<CostDistributionDetail> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

30. API lấy dữ liệu bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH theo khóa ngoài

Method	URL	
POST	/costdistributiondetail/get-paging-by-foreign-id	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageIndex	int	Vị trí trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
ForeignID	Int	Giá trị khóa ngoài
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<CostDistributionDetail> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

31. API tạo bảng dữ liệu tính lương KPI

Method	URL	
POST	/kpisummary/create	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
OrganizationUnitCodes	List<string>	Danh sách Mã đơn vị công tác
JobPositionCodes	List<string>	Danh sách Mã vị trí công việc
Year	Int	Năm
Period	Int	Thời gian Tham chiếu EnumSalaryDataPeriod
SalaryDatas	List<SalaryDataReq>	Danh sách dữ liệu tính lương Tham chiếu SalaryDataReq
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	object	Dữ liệu trả về gồm 2 trường: - ID (ID của bảng dữ liệu tính lương) - Name (Tên của bảng dữ liệu tính lương)

32. API tạo bảng dữ liệu tính lương Doanh số

Method	URL	
POST	/salesummary/create	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
OrganizationUnitCodes	List<string>	Danh sách Mã đơn vị công tác
JobPositionCodes	List<string>	Danh sách Mã vị trí công việc
Year	Int	Năm
Period	Int	Thời gian Tham chiếu EnumSalaryDataPeriod
SalaryDatas	List<SalaryDataReq>	Danh sách dữ liệu tính lương Tham chiếu SalaryDataReq
Response		

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	object	Dữ liệu trả về gồm 2 trường: - ID (ID của bảng dữ liệu tính lương) - Name (Tên của bảng dữ liệu tính lương)

33. API thêm công đoạn

Method	URL	
POST	/product-stages	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
List <ProductStage> (Danh sách công đoạn cần thêm)		
Mô tả:		
Trường bắt buộc: Tên công đoạn(ProductStageName)		
Mã công đoạn (ProductStageCode) sẽ tự động sinh từ tên nếu không truyền		
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	object	Dữ liệu trả về gồm 2 trường: - Inserted: Danh sách công đoạn đã được thêm - Ignored: Danh sách công đoạn không được thêm, có thêm mã lỗi validate

34. API sửa công đoạn

Method	URL
PUT	/product-stages
Request (Truyền qua body của request dạng json)	
Dictionary<string, Dictionary<string, object>> Mô tả: Dictionary chứa mã công đoạn và các trường dữ liệu cần sửa Ví dụ: Công đoạn có mã: CONG_DOAN_1, cần sửa trường tên công đoạn, dữ liệu chi tiết thì truyền như sau: <pre>{ "CONG_DOAN_1": { "ProductStageName": "Tên công đoạn mới", "ProductStageData": "[{"Value": "1000", "ValueType": 2, "SalaryCompositionCode": "MA_THANH_PHAN", "SalaryCompositionName": "Thành phần 1"}]"</pre>	

<pre> } } </pre>		
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại

35. API xóa công đoạn

Method	URL	
DELETE	/product-stages	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
List <string> Mô tả: Danh sách mã công đoạn cần xóa		
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	object	Dữ liệu trả về gồm 2 trường: - Deleted: Danh sách công đoạn đã được xóa - Using: Danh sách công đoạn đã được sử dụng nên không cho xóa

36. API lấy danh sách công đoạn (phân trang)

Method	URL	
POST	/productstage/paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property		
PageIndex	Int	Index trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
Response		
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<ProductStage> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

37. API thêm sản phẩm

Method	URL	
POST	/products	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
List<Product> (Danh sách sản phẩm cần thêm)		
Mô tả:		
Trường bắt buộc: Tên sản phẩm (ProductName)		
Mã sản phẩm (ProductCode) sẽ tự động sinh từ tên nếu không truyền		
Truyền thêm ProductStageAssigns (List<ProductStageAssign>) nếu cần phân công chi tiết:		
- Dữ liệu phân công công đoạn cho sản phẩm		
- Đọc mô tả model ProductStageAssign để hiểu cấu trúc dữ liệu		
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	object	Dữ liệu trả về gồm 2 trường: - Inserted: Danh sách sản phẩm đã được thêm - Ignored: Danh sách sản phẩm không được thêm, có thêm mã lỗi validate

38. API sửa sản phẩm

Method	URL
PUT	/products
Request (Truyền qua body của request dạng json)	
Dictionary<string, Dictionary<string, object>>	
Mô tả:	
Dictionary chứa mã sản phẩm và các trường kèm dữ liệu cần sửa	
các trường được sửa:	
- ProductName	
- UnitPrice	
- Coefficient	
- Description	
- ProductStageAsigns	
Ví dụ:	
Sản phẩm có mã: SAN_PHAM_1, cần sửa trường tên sản phẩm thì truyền như sau:	
{	

```

“SAN_PHAM_1”: {
    “ProductName”: “Tên sản phẩm mới mới”,
}
}

```

Nếu cần thêm/sửa phân công chi tiết thì truyền qua ProductStageAssigns
 Ví dụ: cần thêm CONG_DOAN_2 vào sản SAN_PHAM_1 thì truyền như sau:

```

{
    “SAN_PHAM_1”: [
        {
            “ProductStageCode”: “CONG_DOAN_2”,
            “StageAssignTime”: 2,
            “ProductStageData”: “[{“Value\”:“1000\”,“ValueType\”:2,“SalaryCompositionCode\”:
            \“TPL_1\”,“SalaryCompositionName\”:“Thành phần 1\”}]”
        }
    ]
}

```

Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại

39. API xóa sản phẩm

Method	URL	
DELETE	/product	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
List <string> Mô tả: Danh sách mã sản phẩm cần xóa		
Response		
Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Success	bool	Thành công/thất bại
Data	object	Dữ liệu trả về gồm 2 trường: - Deleted: Danh sách mã sản phẩm đã được xóa - Using: Danh sách mã sản phẩm đã được sử dụng nên không cho xóa

40. API lấy danh sách sản phẩm(phân trang)

Method	URL	
POST	/product/paging	
Request (Truyền qua body của request dạng json)		
Property		
PageIndex	Int	Index trang
PageSize	Int	Số bản ghi cần lấy
CustomParam	Dictionary<string, object>	Param truyền thêm. Mặc định api sẽ không trả về phân công chi tiết của sản phẩm Nếu cần lấy về thì truyền giá trị CustomParam = { "IsGetProductStageAssign": true }
Response		
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	PagingResponse	Model dữ liệu phân trang Các trường gồm có: PageData: List<Product> Total: Tổng số bản ghi có thể lấy

41. API lấy danh mục thành phần công đoạn (StageComposition)

Method	URL	
GET	/stage-composition	
Response		
Success	Bool	Thành công/thất bại
Data	List StageComposition>	Danh sách thành phần lương của công đoạn

IV. Đặc tả model (<T>)

1. Model Salary (Bảng lương)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryID (PK)	int	ID bảng lương
SalaryDate	DateTime	Tháng bảng lương
OrganizationUnitIDs	string	Id CCTC của bảng lương

OrganizationUnitNames	string	Tên CCTC
JobPositionIDs	string	Id VTCV
JobPositionNames	string	Tên VTCV
SalaryName	string	Tên bảng lương
IsLock	bool	Đã khóa
SendPaycheck	bool	Đã gửi phiếu lương
ConfirmPeriod	datetime	Thời hạn xác nhận bảng lương
SummarySetting	String json	Cấu hình bảng lương tham khảo model SummarySetting
SalaryData	String json	Danh sách các bảng dữ liệu tính lương dùng để tạo bảng lương tham khảo model SalaryData
TenantID	GUID	Mã công ty
IsSalaryPay	bool	Đã tạo bảng chi trả
IsUsed	bool	Đã được sử dụng (Tạo bảng thuế..)
PayrollType	int	Loại bảng lương 1-bảng lương chi tiết 2-bảng lương tổng hợp
PayrollPeriod	int	Kỳ lương trong tháng
ListProcess	String json	Danh sách ID các bước xử lý bên AMIS quy trình
SalaryPolicyIDs	string	ID mẫu bảng lương áp dụng cho bảng lương
IsWorkLocation	bool	Là bảng theo địa điểm
WorkLocationType	int	Loại địa điểm 1 – Địa điểm 2 – Công trình

2. Model SalaryDetail (Bảng lương chi tiết)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryDetailID (PK)	int	ID bảng lương chi tiết
SalaryID (FK)	int	ID bảng lương
SalaryDate	datetime	Tháng bảng lương
PayrollType	int	Loại bảng lương 1 – bảng lương chi tiết 2 – bảng lương tổng hợp

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
EmployeeID	int	ID nhân viên
EmployeeCode	string	Mã nhân viên
FullName	string	Tên nhân viên
OrganizationUnitID	int	ID CCTC
OrganizationUnitName	string	Tên CTCC
JobPositionID	int	ID VTCV
JobPositionName	string	Tên VTCV
Description	string	Ghi chú
Status	int	Trạng thái xác nhận phiếu lương 1 – Đã xác nhận 2 – Chưa xác nhận 3 – Chưa gửi phiếu lương
ConfirmPeriod	datetime	Thời hạn xác nhận phiếu lương
PeopleNameConfirmPeriod	string	Tên người gửi phiếu lương
SalaryData	String json	Dữ liệu các thành phần lương chi tiết tham khảo model CompositionJson
Email	string	Email cá nhân
SalaryInfo	String json	Thông tin nhiều lịch sử lương
TenantID	GUID	Mã công ty
IsWorkLocation	bool	Là bảng lương theo địa điểm
WorkLocationID	int	ID địa điểm
WorkLocationCode	string	Mã địa điểm
WorkLocationName	string	Tên địa điểm

3. Model SalaryPayment (Bảng chi trả)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryPaymentID (PK)	int	ID bảng chi trả
SalaryPaymentName	string	Tên bảng chi trả
SalaryID	int	ID bảng lương tạo bảng chi trả
SalaryName	string	Tên bảng lương
SalaryDate	datetime	Ngày kỳ lương
OrganizationUnitIDs	string	ID CCTC
OrganizationUnitNames	string	Tên CTCC

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
JobPositionIDs	string	ID VTCV
JobPositionNames	string	Tên VTCV
SalaryPaymentDate	datetime	Ngày chi trả
PaymentType	int	Hình thức chi trả 1 – Số tiền 2 – Tỷ lệ
PaymentRate	decimal	Tỷ lệ chi trả
PaymentMoney	decimal	Số tiền chi trả
MethodType	int	Hình thức thanh toán 1 – Chuyển khoản 2 – Tiền mặt
BankCount	string	Số tài khoản ngân hàng
BankID	int	ID ngân hàng
BankName	string	Tên ngân hàng
Employee	string	Option chọn nhân viên
Status	int	Trạng thái 1 – Chưa thanh toán 2 – Đã thanh toán
IsSelectAll	bool	Lấy tất cả nhân viên
TenantID	GUID	Mã công ty
PaymentPeriod	datetime	Kỳ chi trả
IsUsed	bool	Đã được sử dụng
SalaryData	String json	Dữ liệu các bảng tham chiếu
ConnectedSyncID	string	ID gửi duyệt quy trình
ListProcess	string	Danh sách ID các bước xử lý bên AMIS quy trình
IsMoneyOrder	bool	Đã tạo lệnh chi lương

4. Model SalaryPaymentDetail (Bảng chi trả chi tiết)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryPaymentDetailID (PK)	int	ID bảng chi trả chi tiết
SalaryPaymentID (FK)	int	ID bảng chi trả
EmployeeID	int	ID nhân viên

FullName	string	Tên nhân viên
EmployeeCode	string	Mã nhân viên
OrganizationUnitID	int	ID CCTC
OrganizationUnitName	string	Tên CCTC
JobPositionID	int	ID VTCV
JobPositionName	string	Tên VTCV
Email	string	Email
BankAccount	string	Số tài khoản ngân hàng
BankID	int	ID ngân hàng
BankName	string	Tên ngân hàng
ActualAmount	decimal	Số phải trả đợt này
PaymentRate	decimal	Tỷ lệ trả
PaymentMoney	decimal	Số tiền trả
DebtPayAmount	decimal	Trả nợ lương
DebtAmount	decimal	Số còn nợ đợt này
TotalPayAmount	decimal	Tổng số tiền trả đợt này
TotalDebtAmount	decimal	Nợ lũy kế
Description	string	Ghi chú
PaymentData	String json	Chi tiết các khoản lương dạng json với Key là mã khoản lương và Value là giá trị
TenantID	GUID	Mã công ty
BankBranchID	int	ID chi nhánh
BankBranchName	string	Tên chi nhánh
EmployeeNatureID	int	ID tính chất lao động
EmployeeNatureName	string	Tên tính chất lao động
EmployeeStatusID	int	ID trạng thái lao động
EmployeeStatusName	string	Tên trạng thái lao động

5. Model SalaryDistribution (Bảng phân bổ)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryDistributionID (PK)	int	ID bảng phân bổ
SalaryDistributionName	string	Tên bảng phân bổ
SalaryPeriod	datetime	Kỳ lương

SalaryData	String json	Danh sách bảng lương dùng để tạo bảng phân bổ
OrganizationUnitIDs	string	ID CCTC
OrganizationUnitNames	string	Tên CCTC
JobPositionIDs	string	ID VTCV
JobPositionNames	string	Tên VTCV
DistributionDate	datetime	Ngày phân bổ
Status	int	Trạng thái chuyển kế toán 1 – đã chuyển 2 – chưa chuyển
SumamrySetting	String json	Cấu hình bảng phân bổ Tham khảo model SummarySetting
UserID	GUID	ID người tạo bảng
DistributionType	int	Loại bảng phân bổ 1 – Phân bổ theo đơn vị 2 – Phân bổ theo DTTHCP
ObjectCostIDs	string	ID đối tượng phân bổ
ObjectCostNames	string	Tên đối tượng phân bổ
TenantID	GUID	Mã công ty
ConectedSyncID	GUID	ID gửi duyệt quy trình
ListProcess	string	Danh sách ID các bước xử lý bên AMIS quy trình

6. Model DistributionOrganization (Bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
DistributionOrganizationID (PK)	int	ID bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị
SalaryDistributionID (FK)	int	ID bảng phân bổ
OrganizationUnitID	int	ID CCTC
OrganizationUnitName	string	Tên CCTC
OrganizationUnitCode	string	Mã CCTC
ParentID	int	ID CCTC cha
CompositionData	String json	Dữ liệu TPL chi tiết Tham khảo model CompositionJson

TotalIncome	decimal	Tổng thu nhập
TotalDeduction	decimal	Tổng khấu trừ
SalaryPeriod	decimal	Lương kỳ này
SalaryAdvance	decimal	Tạm ứng
ActualAmount	decimal	Thực lĩnh
Total	decimal	Tổng giá trị các TPL
UnemploymentInsurance	decimal	BHTN
SocialInsurance	decimal	BHXH
HealthInsurance	decimal	BHYT
UnemploymentInsuranceCompany	decimal	BHTN công ty đóng
SocialInsuranceCompany	decimal	BHXH công ty đóng
HealthInsuranceCompany	decimal	BHYT công ty đóng
UnionSalary	decimal	Kinh phí công đoàn
TaxMoneyMonth	decimal	Thuế TNCN
TenantID	Guid	Mã công ty

7. Model DistributionEmployee (Bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
DistributionEmployeeID (PK)	int	ID Bảng phân bổ nhân viên chi tiết theo đơn vị
DistributionOrganizationID (FK)	int	ID bảng phân bổ chi tiết theo đơn vị
EmployeeID	int	ID nhân viên
EmployeeCode	string	Mã nhân viên
FullName	string	Tên nhân viên
OrganizationUnitID	int	ID CCTC
OrganizationUnitName	string	Tên CCTC
JobPositionID	int	ID VTCV
JobPositionName	string	Tên VTCV
CompositionData	String json	Dữ liệu TPL chi tiết Tham chiếu model Composition.Json
TotalIncome	decimal	Tổng thu nhập
TotalDeduction	decimal	Tổng khấu trừ

SalaryPeriod	decimal	Lương kỳ này
SalaryAdvance	decimal	Tạm ứng
ActualAmount	decimal	Thực lĩnh
Total	decimal	Tổng giá trị các TPL
UnemploymentInsurance	decimal	BHTN
SocialInsurance	decimal	BHXH
HealthInsurance	decimal	BHYT
UnemploymentInsuranceCompany	decimal	BHTN công ty đóng
SocialInsuranceCompany	decimal	BHXH công ty đóng
HealthInsuranceCompany	decimal	BHYT công ty đóng
UnionSalary	decimal	Kinh phí công đoàn
TaxMoneyMonth	decimal	Thuế TNCN
TenantID	Guid	Mã công ty

8. Model CostDistributionSummary (Bảng phân bổ chi tiết theo DTTHCH)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SummaryID (PK)	int	ID bảng dữ liệu phân bổ theo DTTHCH chi tiết theo đối tượng
SalaryDistributionID (FK)	int	ID bảng phân bổ
ObjectCostID	int	ID đối tượng
ObjectCostCode	string	Mã đối tượng
ObjectCostName	string	Tên đối tượng
CompositionData	String json	Dữ liệu TPL chi tiết tham khảo model CompositionJson
TenantID	Guid	Mã công ty

9. Model CostDistributionDetail (Bảng phân bổ chi tiết nhân viên theo DTTHCH)

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
CostDistributionDetailID (PK)	int	ID bảng dữ liệu chi tiết nhân viên theo DTTHCH
SalaryDistributionID(FK)	int	ID bảng phân bổ
ObjectCostID	int	ID đối tượng
ObjectCostCode	string	Mã đối tượng

ObjectCostName	string	Tên đối tượng
EmployeeID	int	ID nhân viên
EmployeeCode	string	Mã nhân viên
FullName	string	Tên nhân viên
OrganizationUnitID	int	ID CCTC
OrganizationUnitName	string	Tên CCTC
JobPositionID	int	ID VTCV
CompositionData	String json	Dữ liệu chi tiết TPL tham khảo model CompositionJson
TenantID	Guid	Mã công ty

10. Model SummarySetting

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryCompositionID	int	ID thành phần lương
SalaryCompositionName	string	Tên thành phần lương
SalaryCompositionCode	string	Mã thành phần lương
Formula	string	Công thức/giá trị thành phần lương
IsDefault	bool	Là TPL mặc định
OrgID	int	ID CTCC
OrgName	string	Tên CCTC
DisplayField	string	Tên trường hiển thị giá trị
DisplayName	string	Tên cột
DisplayName_EN	string	Tên cột tiếng anh
MergeColumn	string	Tên trường merge cột
MergeColumnName	string	Tên hiển thị merge
MergeColumnName_EN	string	Tên hiển thị merge tiếng anh
CompositionType	int	Loại thành phần Tham chiếu EnumCompositionType
CompositionNature	Int	Tính chất Tham chiếu EnumCompositionNature
AllowToExceedQuato	bool	Cho phép giá trị vượt định mức khi tính
Taxable	bool	Chịu thuế
TaxDeduction	bool	Giảm trừ khi tính thuế
IsPartialTaxExemption	bool	Miễn thuế một phần

TaxalePartFormula	string	Công thức phần chịu thuế
TaxFreePartFormula		Công thức phần miễn thuế
SortOrder	int	Thứ tự sắp xếp cột
IsLock	bool	Khóa cột
IsFixed	bool	Ghim cột
IsDelete	bool	Đã xóa
DataType	string	Kiểu dữ liệu Tham chiếu EnumDataType
ValueType	int	Kiểu giá trị Tham chiếu EnumValueType
IsVisiable	bool	Có hiển thị
Width	int	Độ rộng cột
IsSort	bool	Cho phép sắp xếp cột
SubSystemCode	string	Mã phân hệ
IsShowTotal	bool	Hiển thị tổng
GroupIndex	int	Cập nhóm cột
ConfigNumber	String json	Định dạng số riêng cho TPL
SummaryFieldName	string	Tên cột dữ liệu chuyển tính lương (Chuyển từ app chấm công)

11. Model CompositionJson

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryCompositionID	int	ID thành phần lương
SalaryCompositionName	string	Tên thành phần lương
SalaryCompositionCode	string	Mã thành phần lương
Formula	string	Công thức/giá trị thành phần lương
Quota	Decimal	Định mức
IsDefault	bool	Là TPL mặc định
MergeColumn	string	Tên trường merge cột
MergeColumnName	string	Tên hiển thị merge
MergeColumnName_EN	string	Tên hiển thị merge tiếng anh
CompositionType	int	Loại thành phần Tham chiếu EnumCompositionType
CompositionNature	Int	Tính chất

		Tham chiếu EnumCompositionNature
AllowToExceedQuato	bool	Cho phép giá trị vượt định mức khi tính
Taxable	bool	Chịu thuế
TaxDeduction	bool	Giảm trừ khi tính thuế
IsPartialTaxExemption	bool	Miễn thuế một phần
TaxablePartFormula	string	Công thức phần chịu thuế
TaxFreePartFormula		Công thức phần miễn thuế
ValueType	int	Kiểu giá trị Tham chiếu EnumValueType
Value	object	Giá trị tính được
ConfigNumber	String json	Định dạng số riêng cho TPL
IsShowPaycheck	bool	Hiển thị trên phiếu lương
IsUpdated	bool	Được cập nhật
SortOrder	int	Thứ tự hiển thị trên phiếu lương
IsTimeSheetComposition	bool	Là TPL chấm công
Description	string	Mô tả
Description_EN	string	Mô tả tiếng anh
TaxValue	decimal	Giá trị phần chịu thuế/miễn thuế
UncalculatedFormula	string	Công thức hiển thị chưa tính
CalculatedFormula	string	Công thức hiển thị đã tính
IsMergeCaculatedFormula	bool	Đã gộp công thức hiển thị
IsGetFromSalaryHistory	bool	Là TPL lấy từ LSL
CompositionDescription	string	Ghi chú
IsShowDescription	bool	Hiển thị ghi chú

12. Model SalaryData

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MasterID	int	ID bảng tham chiếu
MasterName	string	Tên bảng tham chiếu
SalaryDataType	int	Loại bảng dữ liệu Tham chiếu EnumSalaryDataType
SummaryType	int	Loại bảng 1 – bảng lương chi tiết 2 – bảng lương tổng hợp

IsCreated	bool	Đã dùng để tạo bảng lương (dùng cho bảng tạm ứng)
IsWorkLocation	bool	Là bảng địa điểm
WorkLocationtype	int	Loại địa điểm: 1 – địa điểm 2 – công trình

13. Model PagingResponse

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
PageData	object	Dữ liệu phân trang
Total	Int	Tổng số bản ghi

14. Model SalaryDataReq

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
EmployeeCode	String	Mã nhân viên.
Data	List<object>	Danh sách dữ liệu. object gồm 2 trường: SalaryCompositionCode và Value. VD: [{ "SalaryCompositionCode": "XEP_LOAI", "Value": "A" }, { "SalaryCompositionCode": "DOANH_SO_THUC_TE", "Value": 120000000 }]

15. Model ProductStage

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
ProductStageName	string	Tên công đoạn
ProductStageCode	string	Mã công đoạn

ProductStageData	string	Dữ liệu chi tiết string json của List<StageComposition>
Description	String	Mô tả

16. Model StageComposition

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SalaryCompositionName	string	Tên thành phần
SalaryCompositionCode	string	Mã thành phần
Value	Object	Gía trị
ValueType	int	EnumValueType

17. Model Product

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
ProductCode	string	Mã sản phẩm
ProductName	string	Tên sản phẩm
UnitPrice	decimal	Đơn giá
Coefficient	decimal	Hệ số
ProductStageAssigns	List<ProductStageAssign>	Danh sách phân công công đoạn của sản phẩm

18. Model ProductStageAssign

Property	Kiểu dữ liệu	Mô tả
ProductCode	string	Mã sản phẩm
ProductStageCode	string	Tên công đoạn
StageAssignTime	decimal	Thời gian phân công
ProductStageData	string	String json của List<StageComposition>
ProductStageAssigns	List<ProductStageAssign>	Danh sách phân công công đoạn của sản phẩm

19. Model StageComposition

V. Mô tả enum

1. EnumCompositionType

Giá trị	Mô tả
1	Nhân viên
2	Chăm công
3	Doanh số
4	KPI
5	Sản phẩm
6	Lương
7	Thuế
8	Bảo hiểm
9	Khác

2. EnumCompositionNature

Giá trị	Mô tả
1	Thu nhập
2	Khấu trừ
3	Khác

3. EnumValueType

Giá trị	Mô tả
1	Số
2	Tiền tệ
3	Phần trăm
4	Chữ
5	Công thức
6	Ngày

4. EnumDataType

Giá trị	Mô tả
input-number	Nhập kiểu số

input-money	Nhập kiểu tiền tệ
input-percent	Nhập kiểu phần trăm
input-text	Nhập kiểu chữ
text	Kiểu chữ
input-number-float	Nhập kiểu số thập phân
input-number-int	Thuế
input-formula	Nhập kiểu công thức
date	Kiểu ngày
number	Kiểu số
money	Kiểu tiền tệ

5. EnumSalaryDataType

Giá trị	Mô tả
1	Bảng thu nhập khác
2	Bảng khấu trừ khác
3	Bảng chấm công
4	Bảng doanh số
5	Bảng KPI
6	Bảng sản phẩm
7	Bảng tạm ứng
8	Bảng lương
9	Bảng chi trả
10	Bảng tổng hợp lương
11	Bảng thuế
12	Bảng quyết toán
13	Bảng phân bổ lương
14	Bảng tổng hợp chi trả
15	Bảng lương tổng hợp

6. EnumSalaryDataPeriod

Giá trị	Mô tả
1	Tháng 1
2	Tháng 2

3	Tháng 3
4	Tháng 4
5	Tháng 5
6	Tháng 6
7	Tháng 7
8	Tháng 8
9	Tháng 9
10	Tháng 10
11	Tháng 11
12	Tháng 12
13	Quý I
14	Quý II
15	Quý III
16	Quý IV
17	6 tháng đầu năm (chỉ cho bảng Doanh số)
18	6 tháng cuối năm (chỉ cho bảng Doanh số)
19	Cả năm

VI. Demo call api

1. API lấy bản ghi theo id khóa chính

Request:

```
{
  "url": "http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/salary/get-by-primary-id?id=2877",
  "method": "get",
  "headers":{
    "x-clientid": "2c5a51d8-852f-4873-9435-dc3e14d4ff7a",
    "x-transactionid": "bac3cf47-6110-4415-a264-f0e53e0f775e",
    "x-token": "nxiC4xGorxI4LawWn+eLl/qFmniJD52umbAM99Epj8="
  }
}
```

2. API lấy danh sách bản ghi theo khóa ngoài

Request:

```
{
```

```

    "url": "http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/salarydetail/get-by-foreign-id?id=2877",
    "method": "get",
    "headers":{
        "x-clientid": "2c5a51d8-852f-4873-9435-dc3e14d4ff7a",
        "x-transactionid": "bac3cf47-6110-4415-a264-f0e53e0f775e",
        "x-token": "nexiC4xGorxI4LawWn+eLl/qFmniJD52umbAM99Epj8="
    }
}

```

3. API lấy dữ liệu phân trang

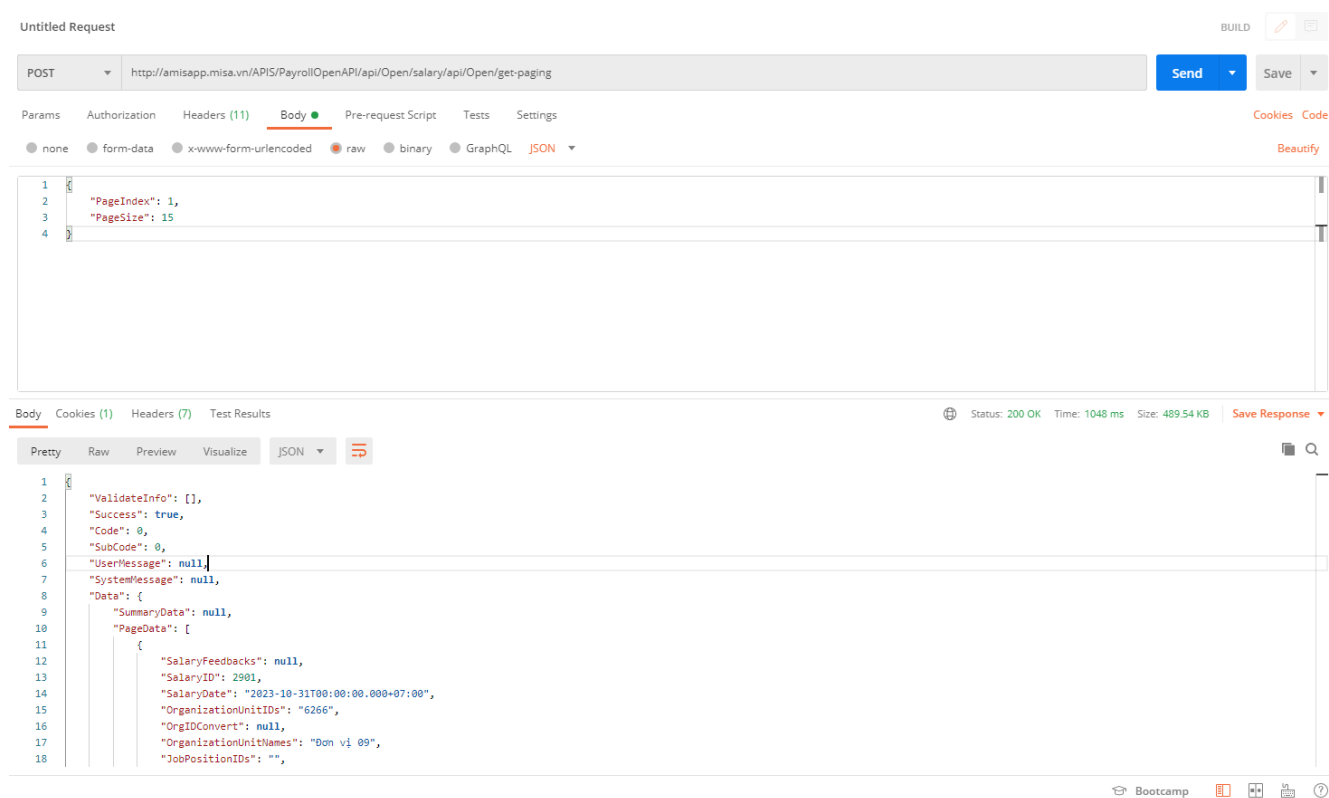
Request:

```

{
    "url": "http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/salary/api/Open/get-paging",
    "method": "post",
    "headers":{
        "x-clientid": "2c5a51d8-852f-4873-9435-dc3e14d4ff7a",
        "x-transactionid": "bac3cf47-6110-4415-a264-f0e53e0f775e",
        "x-token": "nexiC4xGorxI4LawWn+eLl/qFmniJD52umbAM99Epj8="
    },
    "data":JSON.stringify({
        "PageIndex": 1,
        "PageSize": 15,
        "CustomParam":{"modelName":"Salary"}
    })
}

```

Ảnh minh họa:



4. API lấy dữ liệu phân trang theo khóa ngoài

Request:

```
{
  "url": "http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/salarydetail/get-paging-by-primary-id",
  "method": "post",
  "headers": {
    "x-clientid": "2c5a51d8-852f-4873-9435-dc3e14d4ff7a",
    "x-transactionid": "bac3cf47-6110-4415-a264-f0e53e0f775e",
    "x-token": "nEXiC4xGorXI4LawWn+eLl/qFmniJD52umbAM99Epj8="
  },
  "data": JSON.stringify({
    "PageIndex": 1,
    "PageSize": 15,
    "CustomParam": {"ForeignID": "2901"}
  })
}
```

Hình ảnh minh họa

Untitled Request

POST http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/salarydetail/get-paging-by-primary-id

Params Authorization Headers (11) Body Pre-request Script Tests Settings

none form-data x-www-form-urlencoded raw binary GraphQL JSON

```
1 {
2   "PageIndex": 1,
3   "PageSize": 15,
4   "CustomParam": {
5     "ForeignID": 2901
6   }
7 }
```

Body Cookies (1) Headers (7) Test Results

Status: 200 OK Time: 238 ms Size: 580.96 KB Save Response

Pretty Raw Preview Visualize JSON

```
1 {
2   "ValidateInfo": [],
3   "Success": true,
4   "Code": 0,
5   "SubCode": 0,
6   "UserMessage": null,
7   "SystemMessage": null,
8   "Data": {
9     "SummaryData": null,
10    "PageData": [
11      {
12        "SalaryDetailID": 228074,
13        "SalaryID": 2901,
14        "PayrollType": 1,
15        "EmployeeID": 19332,
16        "UserID": null,
17        "FullName": "Vũ Linh Đan",
18        "EmployeeCode": "NV000001",

```

5. API tạo dữ liệu tính lương (KPI, Doanh số)

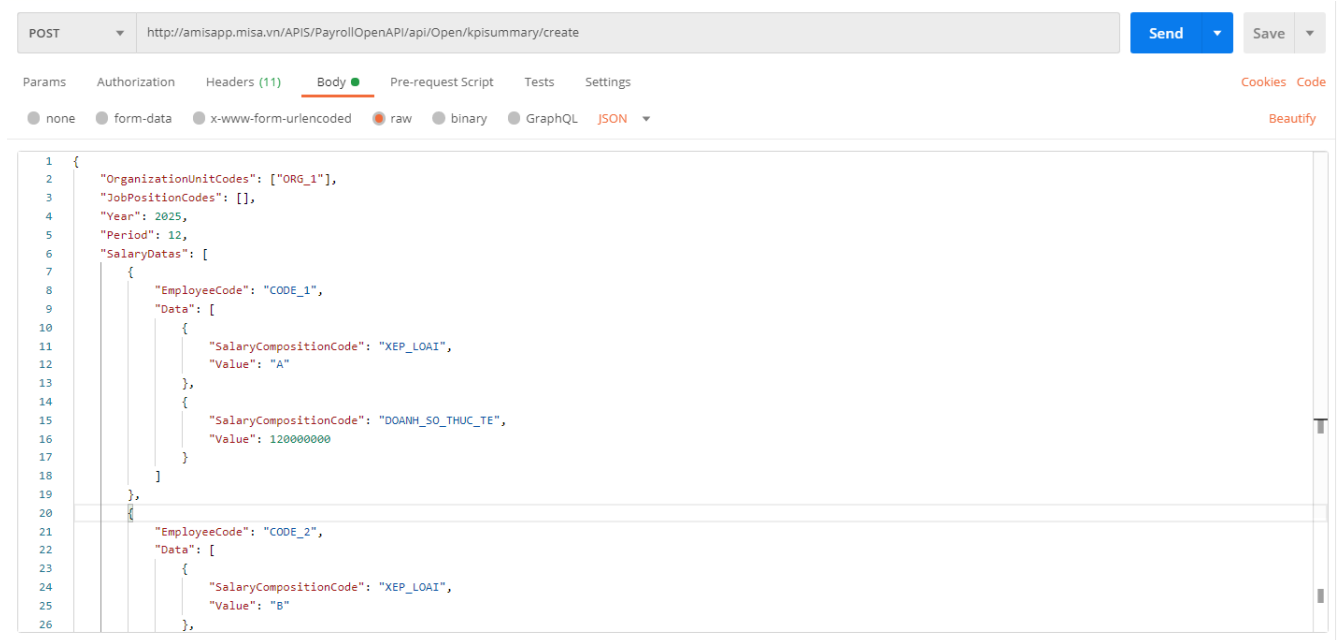
```
{
  "url": "http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/kpisummary/create",
  "method": "post",
  "headers": {
    "x-clientid": "2c5a51d8-852f-4873-9435-dc3e14d4ff7a",
    "x-transactionid": "bac3cf47-6110-4415-a264-f0e53e0f775e",
    "x-token": "nexiC4xGorxI4LawWn+eLl/qFmniJD52umbAM99Epj8="
  },
  "data": JSON.stringify({
    "OrganizationUnitCodes": ["ORG_1"],
    "JobPositionCodes": [],
    "Year": 2025,
    "Period": 12,
    "SalaryDatas": [
      {
        "EmployeeCode": "CODE_1",
        "Data": [
          { "SalaryCompositionCode": "XEP_LOAI", "Value": "A" },
          { "SalaryCompositionCode": "DOANH_SO_THUC_TE", "Value": 120000000 }
        ]
      }
    ]
  })
}
```

```

    }
  })
}

```

Hình ảnh minh họa



6. API thêm công đoạn

```

curl --location --request POST 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/product-stages' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYalJtQSUMzhjJzKMIFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '[
{
  "ProductStageName": "Công đoạn 1",
  "ProductStageData": "[{"Value":"1000","ValueType":2,"SalaryCompositionName":"Thành phần công đoạn"}]",
  "Description": "Công đoạn thêm từ Open API",
}
]'

```

7. API sửa công đoạn

```

curl --location --request PUT 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/product-stages' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYalJtQSUMzhjJzKMIFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '{
  "CONG_DOAN_1":{

```

```

        "ProductStageName": "Test đổi tên"
    }
}'

```

8. API xóa công đoạn

```

curl --location --request DELETE 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/product-
stages' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYaIJtQSUMzhjJzKMlFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '[
    "CONG_DOAN_1"
]'

```

9. API lấy danh sách công đoạn

```

curl --location --request POST 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/producestage/
paging' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYaIJtQSUMzhjJzKMlFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '{
    "PageSize": 100,
    "PageIndex": 1
}'

```

10. API thêm sản phẩm

```

curl --location --request POST 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/products' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYaIJtQSUMzhjJzKMlFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '[
    {
        "ProductName": "Sản phẩm 1",
        "UnitPrice": "1000000",
        "Coefficient": "2",
        "Description": "Sản phẩm thêm từ OpenAPI",
        "ProductStageAsigns": [
            {
                "ProductCode": "SAN_PHAM_1",
                "ProductStageCode": "CONG_DOAN_1",
                "StageAssignTime": 100,
                "ProductStageData": "[{"Value\":\"1000\",\"ValueType\":2,\"SalaryCompositionCode\":
                \"CO_MA\",\"SalaryCompositionName\":\"Có mã\"}]\"
            }
        ]
    }
]'

```

```

    ]
  }
]'
```

11. API sửa sản phẩm

```

curl --location --request PUT 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/products' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYaIJtQSUMzhjJzKMIFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '{
  "SAN_PHAM_1":{
    "ProductName": "Test đổi tên",
    "Coefficient": "3",
    "UnitPrice": "2000000",
    "Description": "Sửa từ open api",
    "ProductStageAsigns":[
      {
        "ProductStageCode": "CONG_DOAN_1",
        "StageAssignTime": 3,
        "ProductStageData": "[{"Value\":\"1000\",\"ValueType\":2,\"SalaryCompositionCode\":\"CO_MA\",
\"SalaryCompositionName\":\"Có mã\"}]\"
      }
    ]
  }
}'
```

12. API xóa sản phẩm

```

curl --location --request DELETE 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/products' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYaIJtQSUMzhjJzKMIFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '[
  "SAN_PHAM_1",
  "SAN_PHAM_2"
]'
```

13. API lấy danh sách sản phẩm

```

curl --location --request POST 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/api/Open/product/paging' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYaIJtQSUMzhjJzKMIFEFKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--data-raw '{
  "PageSize": 100,
```

```
"PageIndex": 1,
"CustomParam": {
  "IsGetProductStageAssign": true
}
}'
```

14. API lấy danh mục thành phần công đoạn

```
curl --location --request GET 'http://amisapp.misa.vn/APIS/PayrollOpenAPI/stage-composition' \
--header 'accept: application/json' \
--header 'Content-Type: application/json-patch+json' \
--header 'x-clientid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-transactionid: dc1cde4a-c448-4cb0-9ce0-216389884f3d' \
--header 'x-token: o/uyYalJtQSUMzhjJzKMIFEKFXNpan4og6bs6JRoYo=' \
--header 'Cookie: x-deviceid=f237e602-d8e3-47af-b44f-5eea143b049d'
```

I. Phụ lục

1. Bảng mã check lỗi theo HTTPCode

Mã lỗi	Mô tả
200	Thành công
403	Không có quyền
101	Thiếu x-clientid
102	Thiếu x-transactionid
Other	Lỗi hệ thống

2. Dữ liệu mẫu sinh x-token

```
x-clientid: 2c5a51d8-852f-4873-9435-dc3e14d4ff7a
clientSecret: nexiC4xGorxI4LawWn+eLl/qFmniJD52umbAM99Epj8=
x-transactionid: bac3cf47-6110-4415-a264-f0e53e0f775e
=> x-token: ZUH0LTxdvAtQuKJcLir21DB+gyrOI2qMrU5bR8uuMes=
```

3. Một số ghi chú khác

- Dữ liệu chi tiết các TPL(List<**CompositionJson**>) nếu có nhiều mã TPL trùng nhau thì sẽ phân biệt qua trường MergeColumn để biết giá trị thuộc cột nào (Ví dụ bảng phân bổ theo DTTHCH cùng một mã TPL là tổng thu nhập sẽ có giá trị gián tiếp và trực tiếp)

- Các api có thể trả về dữ liệu dư thừa những trường ngoài mô tả của tài liệu (những trường này bên tích hợp không cần quan tâm)

